TOÀ ÁN QUÂN SỰ **THỦ ĐÔ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 12/2023/HS-ST
Ngày 12-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ THỦ ĐÔ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thượng tá Đỗ Ngọc Bình.

Các Hội thẩm quân nhân:

Thượng tá Lâm Văn Duẩn;

Trung tá Phan Quang Hưng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Thượng úy Hoàng Xuân Hưng, Thư ký Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Trung tá Ngô Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 1985 tại Bắc Ninh; nơi cư trú: Phòng 0306 chung cư R P, đường V, phường N, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình đô học vấn: Trung cấp Thủy sản; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị V; có chồng là Đỗ Đức Th và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 28/6/2023 đến nay; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Đặng Thu T, sinh năm 1987; nghề nghiệp: Nhân viên; nơi cư trú: Số nhà 3 lô 36 khu A, KĐT hai bên đường T, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam, Trại tạm giam T771 – Cục Điều tra Hình sự, Bộ Quốc phòng); có mặt.

- ***Người làm chứng*:** Đỗ Đức Th, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2019, do cần tiền để trả cho những người đang góp vốn đầu tư kinh doanh nên Thủy sử dụng tài khoản "Thu Thuy" trên ứng dụng facebook messenger (đăng ký bằng số điện thoại chính chủ của T là 0983799666) chủ động nhắn tin cho Nguyễn Thị Kim D qua tài khoản facebook Messenger "Kim Dung" (đăng ký bằng số điện thoại chính chủ của D là 0962258485) để hỏi vay tiền. D và T thỏa thuận hình thức vay theo ngày với lãi suất từ 04 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 05 nghìn đồng/01 triệu đồng/1 ngày; khi cho vay D cắt lãi của kỳ vay đầu tiên, đến hạn T phải trả tiền gốc, nếu vay dài hạn thì ngày đầu tiên của kỳ vay theo tháng (tính 30 ngày) T phải trả tiền lãi trước, đến khi trả tiền gốc thì chấm dứt khoản vay. Trong quá trình cho vay, chỉ một lần D chuyển tiền mặt cho T, còn lại toàn bộ các giao dịch giữa D và T đều chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng. D sử dụng các tài khoản: 100003920240 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, 0611001962258 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, 19035649894018 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cùng đứng tên D; T sử dụng các tài khoản: 8200100260008, 9200156668666, 8050188886666 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội, 19036438205018 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cùng đứng tên T để chuyển tiền cho nhau.

Với hình thức như trên, trong thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2021, Nguyễn Thị Kim D đã nhiều lần cho Đặng Thu T vay tiền, cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/4/2019, D cho T vay 200 triệu đồng, lãi suất 04 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 146%/năm); lãi trả hàng tháng; D cắt tiền lãi tháng đầu tiên 24 triệu đồng. Ngày 13/5/2019, T trả 24 triệu đồng tiền lãi tháng tiếp theo. Ngày 13/6/2019, T trả lãi 07 triệu đồng; ngày 24/6/2019 trả gốc 50 triệu đồng; ngày 26/6/2019 trả tiếp gốc 50 triệu đồng và 05 triệu đồng tiền lãi. Đối với khoản vay này, từ ngày 27/6/2019, T chỉ còn nợ D tiền gốc 100 triệu đồng, lãi phải trả hàng tháng là 12 triệu đồng. Ngày 29/7/2019, T trả 12 triệu đồng tiền lãi. Ngày 29/8/2019, T trả 100 triệu đồng tiền gốc, 12 triệu đồng tiền lãi và 02 triệu đồng lãi quá hạn (trong đó có 400 nghìn đồng là lãi quá hạn của khoản vay khác ngày 22/4/2019). Như vậy, từ ngày 12/4/2019 đến 24/6/2019 (74 ngày) D cho T vay số tiền gốc 200 triệu đồng; từ ngày 25/6/2019 đến 26/6/2019 (02 ngày) D cho T vay số tiền gốc là 150 triệu đồng; từ ngày 27/6/2019 đến ngày 29/8/2019 (64 ngày) D cho T vay số tiền gốc là 100 triệu đồng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi suất cao nhất khi cho vay là 20%/01 năm tương ứng 0,0548%/01 ngày, do vậy, số tiền lãi cao nhất D được nhận là (0,0548% x 74 x 200 triệu) + (0,0548% x 2 x 150 triệu) + (0,0548% x 64 x 100 triệu) = 11,782 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 24 + 24 + 7 + 5 + 12 + 12 + 2 – 0,4 = 85,6 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 85,6 - 11,782 = 73,818 triệu đồng.

Lần 2*:* Ngày 22/4/2019, D cho T vay số tiền 100 triệu đồng, lãi suất 04 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 146%/năm). D cắt lãi 12 triệu đồng của tháng đầu tiên. Ngày 23/5/2019, T trả D 100 triệu đồng tiền gốc; ngày 29/8/2019

trả thêm 400 nghìn đồng tiền lãi quá hạn. Như vậy, từ ngày 22/4/2019 đến 23/5/2019 (32 ngày) D cho T vay số tiền gốc là 100 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 32 x 100 triệu) = 1,7536 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 12 + 0,4 = 12,4 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 12,4 - 1,7356 = 10,6464 triệu đồng.

Lần 3: Ngày 30/5/2019, D cho T vay số tiền 150 triệu đồng, lãi suất 4 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 146%/năm), thời gian vay 10 ngày. D cắt lãi 06 triệu đồng. Ngày 13/6/2019, T trả gốc 150 triệu đồng và 03 triệu đồng tiền lãi quá hạn. Như vậy, từ ngày 30/5/2019 đến 13/6/2019 (15 ngày) D cho T vay số tiền gốc là 150 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 15 x 150 triệu) = 1,233 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 6 + 3 = 9 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 9 - 1,233 = 7,767 triệu đồng.

Lần 4: Ngày 27/4/2020, D cho T vay 300 triệu đồng, lãi suất 04 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 146%/năm), tương ứng 36 triệu đồng/01 tháng; nhưng D nhắn tin cho T ban đầu chỉ lấy 35 triệu đồng/01 tháng. Khoản vay này, D đã thu được số tiền lãi như sau: Ngày 27/4/2020, cắt lãi 35 triệu đồng tháng đầu tiên; ngày 28/5/2020, T trả tiền lãi 35 triệu đồng; ngày 29/6/2020, T trả tiền lãi 35 triệu đồng và 2,3 triệu đồng tiền lãi quá hạn; ngày 27/7/2020, T trả tiền lãi 35 triệu đồng; ngày 26/8/2020 và 28/8/2020, T trả tổng tiền lãi 36 triệu đồng; ngày 29/9/2020, T trả tiền lãi 36 triệu đồng và 4,8 triệu đồng tiền lãi quá hạn; ngày 29/10/2020, T trả tiền lãi 36 triệu đồng và 4,8 triệu đồng tiền lãi quá hạn; ngày 28/11/2020, T trả tiền lãi 36 triệu đồng; ngày 24/12/2020, T trả tiền lãi 36 triệu đồng; ngày 25/01/2021, T trả tiền lãi 36 triệu đồng. Tổng số tiền lãi D đã được nhận từ T là: 367,9 triệu đồng. Ngày 25/02/2021, T trả 300 triệu đồng tiền vay gốc. Như vậy, từ ngày 27/4/2020 đến 25/02/2021 (305 ngày), D cho T vay số tiền gốc là 300 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 305 x 300 triệu) = 50,142 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 367,9 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 367,9 - 50,142 = 317,758 triệu đồng.

Lần 5: Ngày 18/5/2020, D cho T vay 150 triệu đồng, lãi suất 04 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 146%/năm), tương ứng 18 triệu đồng/01 tháng. Khoản vay này, D đã nhận được số tiền lãi như sau: Ngày 18/5/2020, cắt lãi 18 triệu đồng tháng đầu tiên; ngày 19/6/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 20/7/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng và 01 triệu đồng tiền lãi quá hạn; ngày 21/8/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 20/9/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 21/10/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 21/11/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 22/12/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 19/01/2021, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 18/02/2021, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 23/03/2021, T trả tiền lãi 18 triệu đồng. Tổng số tiền lãi D đã nhận được là: 199 triệu đồng. T còn nợ 150 triệu đồng tiền gốc chưa trả. Như vậy, từ ngày 18/5/2020 đến ngày 22/4/2021 (do T đã trả tiền lãi của kỳ vay từ ngày 23/3/2021 đến 22/4/2021), trong 340 ngày, D cho T vay số tiền gốc là 150 triệu

đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 340 x 150 triệu) = 27,948 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 199 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 199 - 27,948 = 171,052 triệu đồng.

Lần 6: Ngày 29/5/2020, D cho T vay 150 triệu đồng, lãi suất 04 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 146%/năm), tương ứng 18 triệu đồng/01 tháng. Khoản vay này, D đã nhận được số tiền lãi như sau: Ngày 29/5/2020, cắt tiền lãi 18 triệu đồng tháng đầu tiên; ngày 29/6/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 29/7/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 28/8/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 29/9/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng và 1,2 triệu đồng tiền lãi quá hạn; ngày 29/10/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng và 1,2 triệu đồng tiền lãi quá hạn; ngày 28/11/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 24/12/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 25/01/2021, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 25/02/2021, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 23/03/2021, T trả tiền lãi 18 triệu đồng. Tổng số tiền lãi D đã nhận được là: 200,4 triệu đồng. T còn nợ 150 triệu đồng tiền gốc chưa trả. Như vậy, từ ngày 29/5/2020 đến ngày 22/4/2021 (do T đã trả tiền lãi của kỳ vay từ ngày 23/3/2021 đến 22/4/2021), trong 329 ngày D cho T vay số tiền gốc là 150 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 329 x 150 triệu) = 27,0438 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 200,4 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 200,4 - 27,0438 = 173,3562 triệu đồng.

Lần 7: Ngày 11/6/2020, D cho T vay 100 triệu đồng, lãi suất 04 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 146%/năm), thời hạn vay 15 ngày. D cắt lãi 06 triệu đồng. Ngày 26/6/2020, T trả D 100 triệu đồng tiền gốc. Như vậy, từ ngày 11/6/2020 đến ngày 26/6/2020 (16 ngày), D cho T vay số tiền gốc là 100 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 16 x 100 triệu) = 0,8768 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 06 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 6 - 0,8768 = 5,1232 triệu đồng.

Lần 8: Ngày 20/7/2020, D cho T vay 150 triệu đồng, lãi suất 4 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 146%/năm), tương ứng 18 triệu đồng/01 tháng. Khoản vay này, D đã trả nhận được số tiền lãi như sau: Ngày 20/7/2020, cắt tiền lãi 18 triệu đồng tháng đầu tiên; ngày 21/8/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 20/9/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 21/10/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 21/11/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 22/12/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng; ngày 19/01/2020, T trả tiền lãi 18 triệu đồng. Tổng số tiền lãi D đã nhận được là: 126 triệu đồng. Ngày 22/02/2021, T đã trả tiền gốc 150 triệu đồng. Như vậy, từ ngày 20/7/2020 đến ngày 22/02/2021 (218 ngày), D cho T vay số tiền gốc là 150 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 218 x 150 triệu) = 17,9196 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 126 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 126 - 17,9196 = 108,0804 triệu đồng.

Lần 9: Ngày 22/8/2020, D cho T vay 250 triệu đồng, lãi suất 05 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 182,5%/năm), thời hạn vay 01 tháng. D cắt lãi

37,5 triệu đồng ngay khi cho vay. Ngày 21/9/2020, T trả cho D 250 triệu đồng tiền gốc. Như vậy, từ ngày 22/8/2020 đến ngày 21/9/2020 (31 ngày), D cho T vay số tiền gốc là 250 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 31 x 250 triệu) = 4,247 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 37,5 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 37,5 - 4,247 = 33,253 triệu đồng.

Lần 10: Ngày 13/10/2020, D cho T vay 100 triệu đồng, lãi suất 05 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 182,5%/năm), thời hạn vay 01 tháng. D cắt lãi 15 triệu đồng ngay khi cho vay. Ngày 10/11/2020, T trả 100 triệu đồng tiền gốc. Như vậy, từ ngày 13/10/2020 đến ngày 10/11/2020 (29 ngày), D cho T vay số tiền gốc là 100 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 29 x 100 triệu) = 1,5892 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của Thủy là 15 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 15 - 1,5892 = 13,4108 triệu đồng.

Lần 11: Ngày 29/10/2020, D cho T vay 300 triệu đồng, lãi suất 05 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 182,5%/năm), tương ứng tiền lãi 45 triệu đồng/tháng. Khoản vay này, D đã nhận được số tiền lãi là: Ngày 29/10/2020, cắt tiền lãi 45 triệu đồng của tháng đầu tiên; ngày 02/12/2020 và 11/12/2020, T trả tổng tiền lãi 45 triệu đồng. Đến ngày 31/12/2020, T trả 300 triệu đồng tiền gốc. Như vậy, từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2020 (64 ngày), D cho T vay số tiền gốc là 300 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 64 x 300 triệu) = 10,5216 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 45 + 45 = 90 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 90 - 10,5216 = 79,4784 triệu đồng.

Lần 12: Ngày 14/12/2020, D cho T vay 200 triệu đồng, lãi suất 05 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 182,5%/năm), thời hạn vay 15 ngày. D cắt lãi 15 triệu đồng ngay khi cho vay. Ngày 31/12/2020, T trả 200 triệu đồng tiền gốc. Như vậy, từ ngày 14/12/2020 đến ngày 31/12/2020 (18 ngày), D cho T vay số tiền gốc là 200 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định là (0,0548% x 18 x 200 triệu) = 1,9728 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 15 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 15 - 1,9728 = 13,0272 triệu đồng.

Lần 13: Ngày 31/12/2020, D cho T vay 500 triệu đồng, lãi suất 05 nghìn đồng/01 triệu đồng/01 ngày (bằng 182,5%/năm), tương ứng 75 triệu đồng/01 tháng. Khoản vay này, D đã nhận được số tiền lãi như sau: Ngày 31/12/2020, D cắt tiền lãi 75 triệu đồng của tháng đầu tiên; ngày 31/01/2021 và 02/02/2021, T trả tổng số tiền là 249 triệu đồng, trong đó 200 triệu là tiền gốc, 45 triệu đồng là tiền lãi của khoản vay gốc còn lại 300 triệu đồng (tính từ ngày 03/02/2021) và 04 triệu đồng tiền lãi chậm trả của khoản 500 triệu đồng; ngày 01/3/2021, T trả lãi 45 triệu đồng của khoản vay gốc 300 triệu đồng. Số tiền gốc 300 triệu đồng đến nay T chưa trả cho D. Như vậy, từ ngày 31/12/2020 đến 02/02/2021 (34 ngày) D cho T vay số tiền gốc là 500 triệu đồng; từ ngày 03/02/2021 đến

30/3/2021 (do T đã trả tiền lãi của kỳ vay từ ngày 01/3/2021 đến ngày 30/3/2021), trong 56 ngày D cho T vay số tiền gốc là 300 triệu đồng. Số tiền lãi cao nhất D được nhận theo quy định của Bộ luật Dân sự là (0,0548% x 34 x 500 triệu) + (0,0548% x 56 x 300 triệu) = 18,5224 triệu đồng. Nhưng thực tế số tiền lãi D đã nhận được của T là 75 + 45 + 4 + 45 = 169 triệu đồng. Số tiền D thu lợi bất chính là 169 - 18,5224 = 150,4776 triệu đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim D khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai phù hợp với lời khai nhận của bị cáo.

Người làm chứng Đỗ Đức Th khai trong quá trình điều tra: Bản thân không cho T vay tiền và không có quan hệ làm ăn gì với T. Chỉ có vợ là Nguyễn Thị Kim D có liên lạc làm ăn trao đổi với T. Bản thân không biết vì đi lao động ở nước ngoài đến cuối năm 2020 mới về nước. Chỉ biết sự việc từ sáng ngày 29/3/2021, còn trước đó không biết; sự việc sau này vợ mới kể lại mới biết.

Biên bản kiểm tra dữ liệu điện tử tin nhắn Facebook Messenger ngày 11/4/2023 của Cơ quan điều tra các tổ chức sự nghiệp BQP, kết quả kiểm tra: Dữ liệu có định dạng PDF file, dung lượng 5,04MB; mở dữ liệu xác định: Từ trang 235 đến 523 là nội dung tin nhắn facebook mesenger giữa tài khoản "Thu T" – Đặng Thu T khẳng định là tài khoản của T với tài khoản "Kim D" –Thủy khẳng định là tài khoản của Nguyễn Thị Kim D.

Biên bản kiểm tra điện thoại (đối với Đăng Thu T) ngày 07/01/2022 của Cơ quan điều tra các tổ chức sự nghiệp BQP. Kết quả kiểm tra tại phần tin nhắn facebook trong ứng dụng messenger: Có nội dung trao đổi giữa Đặng Thu T với Nguyễn Thị Kim D. Tài khoản "Facebook" Nguyễn Thị Kim D hiển thị trên máy điện thoại của Đặng Thu T là "Kim D".

Biên bản kiểm tra dữ liệu điện tử ngày 22/7/2021 của Cơ quan điều tra các tổ chức sự nghiệp BQP. Kiểm tra dữ liệu điện tử lưu giữ trên ổ cứng ngoài. Ổ cứng do Viện khoa học hình sự Bộ Công an bàn giao theo Kết luận giám định trích xuất từ dữ liệu điện tử từ điện thoại của Đặng Thu T. Kết quả kiểm tra phát hiện lịch sử trao đổi giữa tài khoản Zalo Thu T với tài khoản có tên Kim D.

Biên bản làm việc kiểm tra tài khoản ngân hàng ngày 16/01/2023 của Cơ quan điều tra các tổ chức sự nghiệp BQP. Kết quả kiểm tra rà soát hiện tại xác định được các giao dịch giữa tài khoản của bị cáo Đặng Thu T và tài khoản của Nguyễn Thị Kim D.

Tại Bản Cáo trạng số 723/CT-VKSTĐ-B1 ngày 18 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim D về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim D về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở phân

tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Về hình sự, áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D từ 400.000.000 đến 600.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính đã bị đề nghị áp dụng hình phạt tiền nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim D phải nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 1.568.126.400 đồng (làm tròn là 1.568.126.000 đồng); (trong đó 1.400.000.000 đồng là tiền cho vay mà bị cáo đã nhận và 168.126.400 đồng (làm tròn là 168.126.000 đồng) là tiền lãi 20% theo quy định). Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim D phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đặng Thu T 1.107.273.600 đồng (làm tròn là 1.107.273.000 đồng). Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đặng Thu T phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 600.000.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 400.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Phòng Thi hành án BTTM để đảm bảo thi hành án. Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đặng Thu T đề nghị xử lý số tiền lãi đã vượt quá theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, bị cáo ân hận về những sai phạm của mình và xin nhận trách nhiệm trước pháp luật. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự các tổ chức sự nghiệp Bộ Quốc phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét làm rõ tại phiên tòa. Trên cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, HĐXX có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/4/2019 đến ngày 31/12/2020, với mục đích cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, bị cáo Nguyễn Thị Kim D đã 08 lần cho Đặng Thu T vay tiền với mức lãi suất từ 146%/năm đến 182,5%/năm (đều cao hơn trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự) và

mỗi lần số tiền thu lợi bất chính đều trên 30 triệu đồng. Tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); tổng số tiền lãi bị cáo đã nhận được là: 1.275.400.000 đồng (Một tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng); tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 1.107.273.600 đồng (Một tỷ, một trăm linh bảy triệu, hai trăm bẩy mươi ba nghìn, sáu trăm đồng). Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim D đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng; giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 08 lần cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, mỗi lần cho vay đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 400.000.000 đồng; bị cáo có bố chồng, mẹ chồng được tặng Huy chương Quân kỳ quyết thắng; mẹ đẻ bị cáo là bộ đội tham gia chiến tranh biên giới phía Bắc bảo vệ Tổ quốc được nhận chế độ trợ cấp một lần. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xem xét toàn diện vụ án HĐXX thấy: Bị cáo Nguyễn Thị Kim D chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật; phạm tội chỉ vì mục đích vụ lợi, thu lãi suất cao bất chính nhưng không mang tính chất chuyên nghiệp; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức sâu sắc, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, bản thân bị cáo lại là bị hại trong vụ án Đặng Thu T "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cùng lượng lớn tiền của bị cáo và gia đình đều đã bị T lừa đảo chiếm đoạt; ngoài ra hiện nay bị cáo đang nuôi hai con còn nhỏ, chồng đang đi làm ăn xa ở nước ngoài. Căn cứ hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là có cơ sở chấp

nhận thể hiện tính nhân đạo của pháp luật cũng như đủ sức giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Do, hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 BLHS.

[5] Về những vấn đề liên quan:

Đối với 05 lần D cho T vay tiền, số tiền thu lợi bất chính các lần dưới 30 triệu đồng: Do các lần cho vay này diễn ra trong thời gian từ ngày 22/4/2019 đến 14/12/2020 nên đều đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính (đến tháng 07/2022, Cơ quan điều tra mới có căn cứ xác định Nguyễn Thị Kim D có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự). Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì 05 lần cho vay này không cấu thành tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Đối với các lần Nguyễn Thị Kim D chuyển tiền cho Đặng Thu T trong năm 2021 mà T chuyển trả tiền thanh toán ngay trong ngày: Nội dung thỏa thuận giữa D và T tại các giao dịch này không rõ ràng, đầy đủ, không đủ căn cứ để xác định đó là các giao dịch cho vay có tính lãi. Thông tin T đưa ra để D đồng ý chuyển tiền là để T đầu tư kinh doanh nhưng thực tế không có thật; bản thân T thừa nhận phải đề nghị D chuyển tiền với hình thức hỏi "vay nóng" vì thời điểm đó đã huy động nhiều tiền của D. Mặt khác, D khẳng định các giao dịch đó không phải cho T vay lãi nặng mà vẫn đang đầu tư kinh doanh với T vì hình thức T đưa ra giống như nhau. Do vậy, T có dấu hiệu gian dối trong các giao dịch này, tuy nhiên do không chiếm đoạt tiền nên không xem xét trách nhiệm hình sự của T. Đồng thời không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự của D trong các giao dịch nêu trên về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Đối với khoản tiền 1,1 tỷ đồng: Trong năm 2021, Đặng Thu T báo nhiều "đơn" hàng không có thật để Nguyễn Thị Kim D chuyển tiền tham gia đầu tư kinh doanh. Khi không trả được đúng hạn, để tiếp tục duy trì các khoản tiền đang chiếm đoạt và có thể huy động thêm tiền của D thì Thủy thỏa thuận để D dồn chuyển các "đơn" chưa trả thành khoản tiền 1,1 tỷ đồng, hàng ngày T hứa hẹn trả D 80 triệu đồng. Sau khi đối chất với D, T đã xác định khoản tiền này nằm trong các khoản huy động tiền của D. Bản thân D xác nhận giao dịch trên vẫn chỉ là đầu tư kinh doanh, không cho T vay lãi. Tại các giao dịch này, T có dấu hiệu gian dối, tuy nhiên do dữ liệu về nội dung thỏa thuận giữa hai bên không đầy đủ rõ ràng; bản thân D xác nhận đã nhận được số tiền T trả lớn hơn số tiền chuyển cho T và không yêu cầu T trả tiền nữa nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự của T. Đồng thời không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự của D đối với số tiền này về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Đối với các cá nhân khác cho Đặng Thu T vay tiền, gồm: Dương Sơn Tg (Thiếu tá QNCN thuộc Trung tâm bán lẻ, Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel); Nguyễn Văn Tn (trú tại: Phường Đ, quận X, Thành phố Hà Nội) và Trần Thị H (nhân viên quản lý siêu thị Viettel HYN 01 tại thành phố Y, tỉnh H): Từ ngày 25/6/2020 đến 16/3/2021, Dương Sơn Tg đã làm trung gian giúp sức cùng H, Tn cho T vay tiền 09 lần, trực tiếp cho T vay tiền 02 lần với tổng số tiền cho vay là 2,8 tỷ đồng, T đã trả tiền gốc 2,5 tỷ đồng, đã trả tiền lãi 224,375 triệu đồng, còn 300 triệu đồng tiền gốc chưa trả. Trong đó: 03 lần Tg cùng H cho T vay tiền: Do mức lãi suất cho vay là 91,25%/năm nên hành vi này của Tg và H không cấu thành tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đối với 06 lần Tg cùng Tn cho T vay tiền và 02 lần Tg trực tiếp cho T vay tiền: Các lần cho vay này đều có mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 127,75%/năm, tuy nhiên, số tiền Tg, Tn thu lợi bất chính của các lần cho vay đều dưới 30 triệu đồng, đồng thời, các lần cho vay diễn ra trong thời gian từ 06/10/2020 đến 16/3/2021 nên đều đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính (đến tháng 07/2022, Cơ quan điều tra mới có căn cứ xác định Dương Sơn Tg có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự). Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì những lần cho vay tiền trên của Tg và Tn không cấu thành tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Hành vi của Tg, Tn, H đã vi phạm điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt hành chính đối với Tg, Tn, H là có cơ sở.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền gốc (tiền cho vay) 2.000.000.000 đồng mà Đặng Thu T vay và đã trả cho bị cáo 1.400.000.000 đồng và số tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã nhận từ Đặng Thu T là 168.126.400 đồng (làm tròn là 168.126.000 đồng). Xét thấy số tiền gốc cho vay là phương tiện để thực hiện tội phạm và số tiền lãi là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên buộc bị cáo phải nộp tổng số tiền là 1.568.126.400 đồng (làm tròn là 1.568.126.000 đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc (tiền cho vay) mà Đặng Thu T vay chưa trả cho bị cáo 600.000.000 đồng. Xét thấy số tiền này là phương tiện để thực hiện tội

phạm. Vì vậy, buộc Đặng Thu T phải nộp lại số tiền 600.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã nhận từ người vay 1.107.273.600 đồng (làm tròn là 1.107.273.000 đồng). Xét thấy đây là khoản tiền thu lợi bất chính. Do, không có căn cứ xác định việc Đặng Thu T vay sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên buộc bị cáo phải trả lại cho Đặng Thu T.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 400.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị Kim D đã nộp tại Phòng Thi hành án BTTM theo các biên lai thu tiền số 0003523 ngày 17/7/2023; số 0003528 ngày 04/9/2023 và số 0003530 ngày 25/9/2023 để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Dung 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim D phải nộp số tiền 1.568.126.000 (một tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thu T phải nộp số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim D phải trả lại số tiền 1.107.273.000 (một tỷ một trăm linh bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn) đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thu T.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng bị cáo Nguyễn Thị Kim D đã nộp tại Phòng Thi hành án BTTM theo các biên lai thu tiền số 0003523 ngày 17/7/2023; số 0003528 ngày 04/9/2023 và số 0003530 ngày 25/9/2023 để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Thị Kim D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/10/2023), bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Trung ương./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAQSTW;
- VKSQSTW;
- VKSQSTĐHN;
- Cơ quan ĐTHS cácTCSNBQP;
- Phòng THA BTTM;
- Phòng TT-LLTP TAQSTW (để CCTTLLTP);
- Bị cáo D;
- NCQL,NVLQ: T;
- Lưu HS,THA.

Thượng tá Đỗ Ngọc Bình